TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2024/DS-ST.
Ngày: 29/02/2024.
V/v: "Tranh chấp dân sự về nợ hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Bà Võ Thị Điệp;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 897/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp dân sự - Nợ hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim Q**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp 7, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1970;

Ông **Phan Văn K**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Q có mặt, bà N và ông K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim Q trình bày:

Bà Q có tham gia chơi hụi do ông K và bà N làm chủ thảo, cụ thể:

+ Dây hụi số 1 là hụi 1.000.000 đồng mở hụi ngày 02/8/2016 (âm lịch), có 27 phần, bà Qui tham gia 02 phần với tên hụi là Chị Sáu P. Sổ hụi của bà N

đưa, trong sổ hụi có chữ đánh máy tên Chị Sáu P và bên cột phần có ghi 1 + 1, tổng cộng bà Q tham gia 02 phần trong dây hụi này, cả hai phần đều là hụi sống (trong đơn khởi kiện trình bày 03 phần là do bà nhớ nhầm). Dây hụi này, bà Q đã đóng cho ông K, bà N được bao nhiêu lần hụi sống, mỗi lần với số tiền hụi bao nhiêu bà Q không nhớ. Do tin tưởng nên khi đóng tiền hụi bà Q đưa tiền trực tiếp cho bà N, không có giấy tờ gì mà bà N chỉ khoanh tròn vào sổ hụi. Bà Q chỉ nhớ tổng số tiền hụi bà Q đã đóng cho bà N đối với dây hụi này là 26.400.000 đồng.

+ Dây hụi số 2 là hụi 2.000.000đồng mở ngày 20/12/2015 (âm lịch), có 17 phần, bà Q tham gia 03 phần với tên hụi là Chị Sáu P. Sổ hụi của bà N đưa, trong sổ hụi có 02 dòng chữ đánh máy tên Chị Sáu P và 1 dòng viết tay tên Chị Sáu P nữa do bà N ghi, tổng cộng bà Q tham gia 03 phần trong dây hụi này, cả 3 phần đều là hụi sống. Dây hụi này, bà Q đã đóng cho ông K, bà N được bao nhiêu lần hụi sống, mỗi lần với số tiền hụi bao nhiêu bà Q không nhớ. Do tin tưởng nên khi đóng tiền hụi bà Q đưa tiền trực tiếp cho bà N, không có giấy tờ gì mà bà N chỉ khoanh tròn vào sổ hụi. Bà Q chỉ nhớ số tiền hụi bà Q đã đóng cho bà N 40.530.000 đồng.

Toàn bộ hai dây hụi bà Q chỉ đóng tiền hụi sống cho bà N, không có lần nào hốt hụi và đóng tiền hụi chết lại cho bà N như bà N trình bày. Bà Q thừa nhận bà N là người mở hụi, trong sổ hụi cũng ghi tên chủ thảo là Vợ Năm K, khi bà Q đưa tiền cũng chỉ có bà N nhận nhưng ông K là chồng bà N, mỗi lần bà Qui đóng tiền hụi ông K cũng biết và bà N cũng thừa nhận tiền hoa hồng từ các dây hụi để lo cho cuộc sống gia đình. Bà Q không thừa nhận đã hốt hụi và thiếu tiền hụi chết của bà N như bà N trình bày.

Tổng cộng số tiền hụi ông K bà N còn nợ bà Qui là 66.930.000 đồng. Hiện nay, ông K bà N đã tuyên bố vỡ hụi nhưng không trả lại tiền hụi cho bà Q.

Tại phiên hòa giải, bà Huỳnh Thị Kim Q yêu cầu ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Qui số tiền hụi còn nợ là 66.930.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Kim Q thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu yêu cầu ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 36.500.000 đồng, không tính lãi suất. Ngoài ra, bà Q không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà N thống nhất với lời trình bày của bà Q về việc bà Q có tham gia chơi hụi hay dây hụi do bà N là chủ thảo. Tuy nhiên, lời trình bày của bà Q chưa đúng, cụ thể:

+ Dây hụi số 1 là hụi 1.000.000đồng mở hụi ngày 02/8/2016 (âm lịch), có 27 phần, bà Q chỉ tham gia 02 phần với tên hụi là Chị Sáu P. Sổ hụi của bà N đưa, trong sổ hụi có chữ đánh máy tên Chị Sáu P và bên cột phần có ghi 1 + 1. Trong 02 phần hụi mà bà Q tham gia có 01 phần hụi bà Q đã đóng tiền hụi sống được 06 lần mỗi lần tối thiểu là 700.000 đồng/01lần/01 phần (số tiền cụ thể bà N không nhớ) và bà Qui hốt hụi vào lần mở hụi thứ 7 với số tiền khoảng 21.000.000 đồng sau khi trừ đi tiền hụi phải đóng cho phần hụi sống còn lại và tiền hoa hồng thì bà N giao cho bà Qui số tiền 20.000.000 đồng, sau lần hốt hụi này thì bà Q còn đóng hụi chết cho bà N được 3 lần với số tiền 3.000.000 đồng (sau lần mở hụi thứ 10) thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên bà Q không còn đóng hụi chết nữa, bà Q còn nợ bà Nhung 17 lần hụi chết với số tiền 17.000.000 đồng. Phần hụi sống còn lại bà Q đã đóng được 10 lần, mỗi lần là 750.000 đồng, tổng cộng là 7.500.000 đồng. Như vậy, đối với dây hụi này, bà Q còn phải trả lại cho bà N 17.000.000 đồng – 7.500.000 đồng = 9.500.000 đồng.

+ Dây hụi số 2 là hụi 2.000.000đồng mở ngày 20/12/2015 (âm lịch), có 17 phần, bà Q tham gia 03 phần với tên hụi là Chị Sáu P. Sổ hụi của bà N đưa, trong sổ hụi có 02 dòng chữ đánh máy tên Chị Sáu P và 1 dòng viết tay tên Chị Sáu P nữa do bà N ghi, tổng cộng bà Q tham gia 03 phần trong dây hụi này. Trong 03 phần hụi mà bà Q tham gia có 01 phần hụi bà Qui đã đóng tiền hụi sống được 06 lần mỗi lần mỗi lần tối thiểu 1.500.000 đồng/01lần/01 phần hụi (số tiền cụ thể bà N không nhớ) và bà Q đã hốt hụi vào lần mở hụi thứ 7 với số tiền 27.000.000 đồng sau khi trừ đi tiền hụi sống còn lại của bà Q phải đóng và tiền hoa hồng thì bà N giao cho bà Q số tiền 23.000.000 đồng, sau lần hốt hụi này bà Q còn đóng hụi chết cho bà N được 3 lần với số tiền 6.000.000 đồng (sau lần mở hụi thứ 10) thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên bà Q không còn đóng hụi chết nữa, bà Q còn nợ bà Nhung 7 lần hụi chết với số tiền 14.000.000 đồng. 02 Phần hụi sống còn lại bà Q đã đóng được 10 lần, mỗi lần là 1.500.000 đồng x 2 phần = 3.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Như vậy, đối với dây hụi này, bà N còn nợ bà Q số tiền 30.000.000 đồng - 14.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Do là chổ quen biết, tin tưởng nhau nên việc bà N giao tiền hụi trực tiếp cho bà Q không có làm giấy tờ gì, sổ hụi cũng không có ghi chú.

Như vậy, sau khi cấn trừ thì bà N thừa nhận còn nợ lại bà Q số tiền hụi là 6.500.000 đồng nên bà N đồng ý trả cho bà Qui 6.500.000 đồng. Bà N không đồng ý trả số tiền hụi theo yêu cầu của bà Q.

Bà N thừa nhận bà là người mở hụi, trong sổ hụi cũng ghi tên chủ thảo là Vợ Năm K là bà N, khi bà Q đưa tiền cũng chỉ có bà N nhận nhưng ông K là chồng bà N cũng biết việc bà N làm chủ thảo hụi, mỗi lần bà Q đóng tiền hụi ông K cũng biết và tiền hoa hồng từ các dây hụi bà N sử dụng lo cuộc sống gia đình.

Bị đơn là ông Phan Văn K đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là Phan Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền vay 36.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà N không đồng ý với yêu cầu của bà Q. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: Ấp 7, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị Bích N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị Bích N.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu của bà Q yêu cầu ông K, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Q số tiền vay 36.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ ý kiến của đương sự tại phiên tòa và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bà Huỳnh Thị Kim Q có tham gia chơi hụi các dây hụi do bà N làm chủ thảo là có thật vì có có sổ hụi và được bà N thừa nhận.

Bà Q cho rằng bà Q đã đóng tiền hụi cho bà N tổng cộng là 66.930.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh; Bà N thừa nhận đã nhận tiền hụi của bà Q tổng cộng hai dây hụi là 50.700.000 đồng, mặc dù bà N cho rằng bà Q đã hốt hụi chết hai lần nhưng không đóng tiền hụi chết đầy đủ cho bà N và còn nợ lại bà N số tiền hụi chết là 31.000.000 đồng nhưng bà Q không thừa nhận, bà N không có tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa, tại phiên

tòa bà Q chỉ yêu cầu bà N, ông K trả cho bà Q số tiền 36.500.000 đồng là thấp hơn so với số tiền hụi bà N thừa nhận có nhận của bà Q.

Đối với ông Phan Văn K mặc dù không tham gia vào việc chơi hụi giữa bà Q và bà N nhưng bà N thừa nhận ông K là chồng bà N cũng biết việc bà N làm chủ thảo hụi để kiếm tiền, mỗi lần bà Q đóng tiền hụi ông K cũng biết và tiền hoa hồng từ các dây hụi bà N sử dụng lo cuộc sống gia đình. Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông Phan Văn K được biết. Tuy nhiên, ông Phan Văn Kkhông có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ; Do đó, hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Q. Buộc ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị Bích N liên đới trả cho bà Q số tiền 36.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí: Bà N và ông K có nghĩa vụ liên đới nộp 1.825.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Huỳnh Thị Kim Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 161, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim Q. Buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Q số tiền 36.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan Văn K có nghĩa vụ liên đới nộp 1.825.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Huỳnh Thị Kim Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Hồng Thắm